

Số: 624/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 19 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá - nước sạch nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai;

Căn cứ Văn bản số 6937/BNN-TCTL ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và báo cáo kết quả Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-SNN&MT ngày 14/3/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, nội dung cụ thể như sau:

### 1. Mục đích, ý nghĩa:

- Xác định thực trạng về nước sạch nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn là công cụ để các địa phương tăng cường công tác quản lý, góp phần theo dõi, đánh giá kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đồng thời, Bộ chỉ số là cơ sở để đánh giá, xác định xã, huyện đạt tiêu chí về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

### 2. Nội dung bộ chỉ số:

Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn được điều tra, xác lập theo Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thông tin cơ sở hiện trạng của 196 cấp xã đến thời điểm thu thập thông tin (đến tháng 12 năm 2024) có tổng số hộ: 343.492 hộ dân.

Kết quả thu thập, tổng hợp 5 chỉ số ban hành kèm theo Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:

**2.1. Chỉ số 1:** tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,93% (339.816/343.492 hộ).

- Tỷ lệ HGD sử dụng nước HVS từ công trình cấp nước tập trung 40,22% (138.162/343.492 hộ).

- Tỷ lệ HGD sử dụng nước HVS từ công trình cấp nước nhỏ lẻ 58,71% (201.654/343.492 hộ).

**2.2. Chỉ số 2:** tỷ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN 02:2009/BYT: không điều tra.

**2.3. Chỉ số 3:** tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh 96,49% (14.891/15.433 hộ).

**2.4. Chỉ số 4:** tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN 02:2009/BYT: không điều tra.

**2.5. Chỉ số 5:** tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung hoạt động bền vững 20,69% (30/145 công trình).

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung hoạt động tương đối bền vững 13,10% (19/145 công trình).

- Số công trình cấp nước tập trung hoạt động kém bền vững 17,24% (25/145 công trình).

- Số công trình cấp nước tập trung không hoạt động 48,97% (71/145 công trình).

*(Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**BIỂU MẪU SỐ 4: CẤP TỈNH****Tổng hợp tình hình sử dụng nước nông thôn năm 2024***(Kèm theo Quyết định số: 624/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

TT	Tên huyện	Tổng số HGD	Tỷ lệ (%) HGD sử dụng nước hợp vệ sinh					Hộ nghèo		
			Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNTT		Tỷ lệ sử dụng từ công trình CNNL		Tổng	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%) Hộ nghèo sử dụng nước HVS	
1	Huyện Cẩm Khê	38.515	15.732	40,85%	22.398	58,15%	99%	1.927	1.839	95,43%
2	Huyện Tân Sơn	19.521	1.703	8,72%	17.157	87,89%	96,61%	2.980	2.928	98,26%
3	Huyện Hạ Hòa	32.678	4.819	14,75%	27.312	83,58%	98,33%	1.467	1.328	90,52%
4	Huyện Lâm Thao	27.082	20.945	77,34%	6.137	22,66%	100%	430	430	100%
5	Huyện Phù Ninh	25.870	12.101	46,78%	13.639	52,72%	99,50%	369	369	100%
6	Huyện Thanh Thủy	24.427	15.821	64,77%	8.606	35,23%	100%	458	458	100%
7	Huyện Đoan Hùng	31.729	3.070	9,68%	28.064	88,45%	98,12%	1.308	1.259	96,25%
8	Huyện Tam Nông	23.191	15.653	67,50%	7.538	32,50%	100%	471	471	100%
9	Thị xã Phú Thọ	13.892	9.551	68,75%	4.341	31,25%	100%	136	136	100%
10	Huyện Thanh Sơn	29.764	3.674	12,34%	25.408	85,36%	97,71%	2.376	2.376	100%
11	Huyện Yên Lập	22.901	1.543	6,74%	20.682	90,31%	97,05%	2.079	1.865	89,71%
12	Thành phố Việt Trì	21.305	18.506	86,86%	2.799	13,14%	100%	141	141	100%
13	Huyện Thanh Ba	32.617	15.044	46,12%	17.573	53,88%	100%	1.291	1.291	100%
<b>Tổng</b>		<b>343.492</b>	<b>138.162</b>	<b>40,22%</b>	<b>201.654</b>	<b>58,71%</b>	<b>98,93%</b>	<b>15.433</b>	<b>14.891</b>	<b>96,49%</b>



